

Số: 11/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2023;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Tờ trình số 352/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2023

1. Bổ sung 816,154 tỷ đồng vào tổng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh, cụ thể:

- a) Vốn ngân sách địa phương bổ sung: 556,154 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 là 514,0 tỷ đồng;
 - Vốn hoàn trả tiền sử dụng đất là 12,154 tỷ đồng;
 - Vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2023 sang chi đầu tư công: 30,0 tỷ đồng.
- b) Vốn ngân sách Trung ương bổ sung: 260,0 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022 là 60,0 tỷ đồng;
 - Vốn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là 200,0 tỷ đồng.

2. Bổ sung danh mục dự án trong Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 ngày 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2023.

(Đính kèm Phụ lục I, II)

Điều 2: Phê duyệt danh mục các công trình chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển hết thời gian thực hiện và giải ngân cho phép chuyển sang năm 2022, 2023

(Đính kèm Phụ lục III)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP.Quốc hội, VP.Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, KH&ĐT;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (BỔ SUNG)
(Vốn Ngân sách địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Lũy kế từ đầu trung hạn đến trước năm 2023	Kế hoạch ĐTC năm 2023 (Bổ sung)				Ghi chú
							Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			
								Vốn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023	Vốn hoàn trả tiền thu sử dụng đất năm 2020	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	
A. VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					4.060.959	613.588	556.154	514.000	12.154	30.000	
I. Quốc phòng - An ninh					39.434	-	15.000	15.000	-	-	
a. Công trình chuyển tiếp					39.434	-	15.000	15.000	-	-	
1	Xây dựng Sở Chỉ huy diễn tập	BCH QS	H.CL	2022-2024	39.434	-	15.000	15.000	-	-	
II. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					594.000	43.775	124.500	124.500	-	-	
a. Công trình chuyển tiếp					212.797	43.775	57.000	57.000	-	-	
a.3. Các công trình Trung học cơ sở					172.786	39.775	46.000	46.000	-	-	
1	Trường THCS Nguyễn Thị Bảy huyện Gò Công Tây (Trường THCS Vĩnh Hựu)	H.GCT	H.GCT	2021-2023	47.996	18.000	10.000	10.000	-	-	
2	Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp: Ấp Hoà Hảo, Ngũ Hiệp	H.CL	H.CL	2021-2024	49.226	12.000	13.000	13.000	-	-	
3	Trường Trung học cơ sở Thạnh Mỹ (khối phòng học, khu hành chính, các hạng mục phụ)	H.TP	H.TP	2021-2023	41.159	8.540	13.000	13.000	-	-	
4	Trường Trung học cơ sở Phùng Thanh Vân	H.GCĐ	H.GCĐ	2021-2024	34.405	1.235	10.000	10.000	-	-	
a.4. Các công trình Tiểu học					40.011	4.000	11.000	11.000	-	-	
1	Trường Tiểu học Long Chánh	TX.GC	TX.GC	2023-2025	12.534	-	4.000	4.000	-	-	
2	Trường Tiểu học Phú Cường	H.CL	H.CL	2021-2023	27.477	4.000	7.000	7.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Lũy kế từ đầu trung hạn đến trước năm 2023	Kế hoạch ĐTC năm 2023 (Bổ sung)				Ghi chú
							Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			
								Vốn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023	Vốn hoàn trả tiền thu sử dụng đất năm 2020	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	
b. Công trình khởi công mới					381.203	-	67.500	67.500	-	-	
b.3. Các công trình Trung học cơ sở					133.829	-	23.500	23.500	-	-	
1	Trường THCS Hậu Mỹ Trinh	H.CB	H.CB	2023-2025	25.065	-	4.500	4.500	-	-	
2	Trường THCS Hậu Thành	H.CB	H.CB	2023-2025	28.991	-	6.000	6.000	-	-	
3	Trường THCS Mỹ Đức Đông	H.CB	H.CB	2023-2025	22.133	-	4.500	4.500	-	-	
4	Trường THCS Mỹ Hội	H.CB	H.CB	2023-2026	57.640	-	8.500	8.500	-	-	
b.4. Các công trình Tiểu học					247.374	-	44.000	44.000	-	-	
1	Trường Tiểu học thị trấn Cái Bè	H.CB	H.CB	2023-2026	92.878	-	15.000	15.000	-	-	
2	Trường TH - THCS Phan Văn Ba, xã An Cư	H.CB	H.CB	2023-2025	25.559	-	5.000	5.000	-	-	
3	Trường Tiểu học Tân Hưng	H.CB	H.CB	2023-2025	28.630	-	6.000	6.000	-	-	
4	Trường Tiểu học An Hữu	H.CB	H.CB	2023-2026	72.227	-	10.000	10.000	-	-	
5	Trường Tiểu học Tân Trung	TX.GC	TX.GC	2023-2025	28.080	-	8.000	8.000	-	-	
III. Y tế, dân số và gia đình					123.611	51.198	63.457	63.457	-	-	
a. Công trình chuyển tiếp					123.611	51.198	63.457	63.457	-	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Bệnh viện Đa khoa tỉnh	BQLDA DD&CN	TP.MT	2021-2024	123.611	51.198	63.457	63.457	-	-	Kết luận số 174/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước
IV. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					12.820	-	6.000	6.000	-	-	
d. Cải tạo, nâng cấp Hệ thống đê sông, đê biển ngăn triều cường, ngập mặn					12.820	-	6.000	6.000	-	-	
d.2. Công trình khởi công mới					12.820	-	6.000	6.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Lũy kế từ đầu trung hạn đến trước năm 2023	Kế hoạch ĐTC năm 2023 (Bổ sung)				Ghi chú
							Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			
								Vốn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023	Vốn hoàn trả tiền thu sử dụng đất năm 2020	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	
1	Đê Soài Rạp (Đường huyện 99B) - đoạn từ QL50 (K60+229) đến xưởng đóng tàu (K62+153) và đoạn từ gần cống Bình Đông 1 (K64+553) đến cống Vàm Tháp (K72+230) trên địa bàn thị xã Gò Công	Chi cục Thủy lợi	TX.GC	2023-2025	6.220	-	3.000	3.000	-	-	
2	Đê Tây rạch Gò Công (Đường huyện 99C) - đoạn từ cống Rạch Sâu (K25+390) đến cầu Bình Xuân (K28+946) và đoạn từ gần cống Rầm Vê (K31+430) đến ĐT873 (K37+829) trên địa bàn thị xã Gò Công	Chi cục Thủy lợi	TX.GC	2023-2025	6.600	-	3.000	3.000	-	-	
V. Giao thông					3.084.613	513.222	288.816	276.662	12.154	-	-
a. Công trình chuyển tiếp					2.774.109	513.222	203.816	191.662	12.154	-	
a.1. Các Đường tỉnh					2.412.009	437.551	131.530	131.530	-	-	
1	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 874	BQLDA Giao thông	H.CT, TX.CL	2020-2023	175.903	43.393	60.530	60.530	-	-	
2	Cầu Vàm Cái Thia	Sở GTVT	H.CB	2021-2024	176.666	64.973	13.000	13.000	-	-	
3	Cầu qua sông Mỹ Đức Tây	H.CB	H.CB	2021-2023	59.440	26.858	8.000	8.000	-	-	
4	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	BQLDA Giao thông	các huyện	2022-2027	2.000.000	302.327	50.000	50.000	-	-	
a.2. Các đường huyện					362.100	75.671	72.286	60.132	12.154	-	
1	Đường Đoàn Thị Nghiệp (đoạn từ Nguyễn Thị Thập đến ĐT.870B)	TP.MT	TP.MT	2020-2022	69.983	1.193	10.000	10.000	-	-	
2	Nâng cấp mở rộng đường huyện 18 huyện GCT (Đoạn QL50 đến Chợ Dinh)	H.GCT	H.GCT	2020-2023	90.698	34.000	10.000	10.000	-	-	
3	Đường huyện 65B (Đường Đông Kênh Chà Là), xã Phú Nhuận - Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy	H.CL	H.CL	2022-2024	73.640	15.000	22.154	10.000	12.154	-	
4	Đường huyện 59B (Đường Nam Nguyễn Văn Tiếp), xã Phú Cường - Thạnh Lộc - Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy.	H.CL	H.CL	2022-2025	79.070	14.000	20.000	20.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Lũy kế từ đầu trung hạn đến trước năm 2023	Kế hoạch ĐTC năm 2023 (Bổ sung)				Ghi chú
							Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			
								Vốn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023	Vốn hoàn trả tiền thu sử dụng đất năm 2020	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	
5	Đường huyện 70B (đường liên ấp Ngũ Hiệp), xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	H.CL	H.CL	2022-2024	48.709	11.478	10.132	10.132	-	-	
b. Công trình khởi công mới					252.504	-	70.000	70.000	-	-	
b.1. Các Đường tỉnh					202.919	-	55.000	55.000	-	-	
1	Đầu tư xây dựng 7 (cầu, cống) trên tuyến Đường tỉnh 863	H.CB	H.CB	2023-2026	167.481	-	45.000	45.000	-	-	
2	Đường tỉnh 871C (đoạn qua thị xã Gò Công - đường Nguyễn Thịn)	TX.GC	TX.GC	2023-2025	35.438	-	10.000	10.000	-	-	
b.2. Các đường huyện					49.585	-	15.000	15.000	-	-	
1	Đường nối từ Chợ đầu mối thủy sản thị trấn Vàm Láng - đến Đường huyện 10	H.GCĐ	H.GCĐ	2023-2025	49.585	-	15.000	15.000	-	-	
d. Đảm bảo an toàn giao thông					58.000	-	15.000	15.000	-	-	
d.2. Công trình khởi công mới					58.000	-	15.000	15.000	-	-	
1	Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 1 các đoạn còn lại qua huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè	Sở GTVT	H.CL, H.CB	2023-2025	58.000	-	15.000	15.000	-	-	
VI. Chi khác					206.481	5.393	58.381	28.381	-	30.000	
i. Thanh toán tạm ứng, khối lượng hoàn thành, quyết toán vốn đầu tư (bao gồm cả chi trả nợ gốc, nợ lãi các khoản ngân sách địa phương vay)					206.481	5.393	28.381	28.381	-	-	
1	Trường THPT Chuyên Tiền Giang	BQLDA DD&CN	TP.MT	2018-2023	-	-	8.000	8.000	-	-	Kết luận thanh tra số 9896/BTC-TTr ngày 18/7/2014 của Bộ Tài chính
2	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 2)	Khác	TP.MT	2015-2023	-	-	4.000	4.000	-	-	Thực hiện Kết luận Kiểm toán thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia năm 2015
3	Đầu tư nâng cấp tuyến ống chuyển tải nước thô từ ao 6 hecta về các trạm trên địa bàn huyện Tân Phú Đông	Khác	H.TPĐ	2015-2023	-	-	4.227	4.227	-	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Lũy kế từ đầu trung hạn đến trước năm 2023	Kế hoạch ĐTC năm 2023 (Bổ sung)				Ghi chú	
							Tổng số	Trong đó: nguồn vốn				
								Vốn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023	Vốn hoàn trả tiền thu sử dụng đất năm 2020	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh		
4	Trụ sở làm việc 8 sở ngành	BQLDA DD&CN	TP.MT	2020-2022	206.481	5.393	12.154	12.154	-	-	CV số 463/KTNN-TH ngày 01/8/2022 của KTNN (Hoàn trả nguồn thu tiền sử dụng đất do phân bổ không đúng quy định và số vốn hoàn trả tiếp tục bố trí công trình giao thông hoàn thành)	
k. Bổ sung vốn ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang						-	-	30.000	-	-	30.000	
1	Ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang	S.TC	các huyện	2023-2023	-	-	30.000	-	-	30.000		

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (BỔ SUNG)
(Vốn ngân sách Trung ương)
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (bổ sung)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					329.453	260.000	
A	Vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022				79.453	60.000	
I	Nông nghiệp (khắc phục, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu)				79.453	60.000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>79.453</i>	<i>60.000</i>	
1	Bổ trí ổn định dân cư khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	BQL DA Nông nghiệp	H.CL	2023-2024	35.809	30.000	Bổ sung
2	Bổ trí ổn định dân cư khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo	BQL DA Nông nghiệp	H.CG	2023-2024	43.644	30.000	Bổ sung
B	Vốn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022				250.000	200.000	
I	Nông nghiệp (khắc phục, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu)				250.000	200.000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>250.000</i>	<i>200.000</i>	
1	Xử lý các đoạn sạt lở cấp bách trên sông Cái Bè (kênh 28), huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	BQL DA Nông nghiệp	H.CB	2023-2024	250.000	200.000	Bổ sung



Phụ lục III

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẾT THỜI GIẠN THỰC HIỆN
VÀ GIẢI NGÂN CHO PHÉP CHUYỂN SANG NĂM 2023**

(Đính kèm Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số vốn kéo dài thời gian thanh toán	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	37.821	
I	Chuyển nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện năm 2021 sang năm 2022	20.000	
1	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng nghĩa địa thị trấn Vĩnh Bình	20.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện
II	Chuyển nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện năm 2022 sang năm 2023	17.821	
1	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng nghĩa địa thị trấn Vĩnh Bình	5.909	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện
2	Đường Hòa Phú 5 (Mười Chót) xã Long Bình	1.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện
3	Đường kênh N8-5 xã Thạnh Trị	1.052	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện
4	Đường Bình An xã Vĩnh Hựu	1.350	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022
5	Đường Tư Nò+Nhánh tè xã Bình Tân	2.160	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022
6	Đường Lộ Rỗi xã Bình Tân	1.180	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022
7	Hồ dự trữ nước ngọt sinh hoạt Huyện đội	520	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022
8	Đường nam kênh An Thạnh Thủy xã Thạnh Nhựt	3.650	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022
9	Đường Hòa Phú 7 xã Long Bình	1.000	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022

Ghi chú: Thời gian kéo dài thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đến 31/12/2023